**Khách hàng A mua món X (chưa commit) thì khách hàng B cũng mua món X.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tên Use Case:** | Mua món ăn. | |
| **Kịch bản:** | Khách hàng muốn mua món ăn đã chọn trong giỏ hàng. | |
| **Sự kiện kích hoạt:** | Khách hàng nhấn đặt mua. | |
| **Tóm tắt mô tả:** | Khách hàng muốn đặt mua món đã chọn trong giỏ hàng. | |
| **Actors:** | Khách hàng. | |
| **Stakeholders:** |  | |
| **Điều kiện trước:** | Khách hàng phải đăng nhập.  Số lượng đặt mua không được nhiều hơn số lượng còn lại của món ở chi nhánh đặt mua. | |
| **Điều kiện sau:** | Thông báo đặt món thành công.  Số lượng món giảm. | |
| **Luồng chính:** | Actor | System |
| 1. Khách hàng chọn món ăn từ ứng dụng (trang chủ, trang tìm kiếm). 2. Khách hàng vào giỏ hàng. 3. Khách hàng chọn số lượng món. 4. Khách hàng chọn đặt mua. 5. Khách hàng điền thông tin người nhận hàng và cách thanh toán. 6. Khách hàng xác nhận. | 1. Kiểm tra thông tin vào lưu vào bộ nhớ đệm. 2. Hiển thị giỏ hàng, các món ăn mà người dùng đã chọn. 3. Chờ. 4. Kiểm tra số lượng và chuyển sang trang chọn thông tin nhận hàng. 5. Chờ. 6. Kiểm tra thông tin và xác nhận. |
| **Ngoại lệ:** | 4.1. Nếu số lượng khách hàng đặt sai phạm, thì hệ thống thông báo yêu cầu khách hàng nhập lại.  4.2. Nếu khách hàng chưa đăng nhập, yêu cầu khách hàng đăng nhập.  5.1. Nếu thông tin khách hàng điền vào có phần trống thì hệ thống yêu cầu khách hàng nhập vào mới được xác nhận.  6.1. Nếu khách hàng không xác nhận thì hệ thống quay lại bước điền thông tin nhận hàng và thanh toán. | |